

Bản án số: 530/2024/HC-PT

Ngày: 23/9/2024

Khởi kiện QĐ hành chính, QĐ giải quyết
kiếu nại, hành vi hành chính, bồi thường
thiệt hại trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Mai;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 370/2024/TLPT-HC ngày 15 tháng 8 năm 2024 về việc “Khởi kiện quyết định hành chính, Quyết định giải quyết khiếu nại, hành vi hành chính, bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực quản lý đất đai”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 108/2024/HC-ST ngày 05/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9287/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa:

* **Người khởi kiện:** Ông Trịnh Văn D, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu phố T, thị trấn Q, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

* **Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đức G – Phó chủ tịch; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Thanh Hóa và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân T – Phó chủ tịch; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ: Khu phố B, thị trấn Q, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Văn T1 - Chủ tịch; Có mặt.

2. Bà Lê Thị T2, sinh năm 1967; địa chỉ: Khu phố T, thị trấn Q, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà T2: Ông Trịnh Văn D, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu phố T, thị trấn Q, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện ông Trịnh Văn D trình bày như sau:

Hộ ông Trịnh Văn D được giao đất sản xuất nông nghiệp từ năm 1993 được Ủy ban nhân dân huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 386976 ngày 25/6/2015, thuộc tờ bản đồ số 26 gồm hai thửa: thửa 84 xứ đồng Chân Cồn Bản diện tích 1.130,4m², thửa 285 xứ đồng Đình Trên diện tích 1.474,5m²; mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2063; Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Ngày 01/11/2022, Ủy ban nhân dân huyện Y đã ban hành các Quyết định số 4003/QĐ-UBND, Quyết định số 4004/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất nông nghiệp tại hai thửa nói trên của hộ ông D.

Cùng ngày 01/11/2022, Ủy ban nhân dân huyện Y đã ban hành Quyết định số 4082/QĐ-UBND về phê duyệt phương án dự toán bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho dự án Khu dân cư K thị trấn Q, trong đó có hộ ông Trịnh Văn D.

Ông Trịnh Văn D không đồng ý với các quyết định thu hồi đất và đền bù của Ủy ban nhân dân huyện, không nhận tiền đền bù, không bàn giao đất.

Đến ngày 26/5/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y đã ban hành các Quyết định số 1770/QĐ-UBND và Quyết định số 1772/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trịnh Văn D.

Ông Trịnh Văn D không đồng ý với các quyết định thu hồi đất, đền bù và cưỡng chế của Ủy ban nhân dân huyện Y với lý do:

- Dự án khu dân cư Khu C thị trấn Q là dự án mang tính thương mại vì không có công trình thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Tỷ lệ đất sử dụng cho tái định cư chỉ chiếm 5,3% tổng diện tích bị thu hồi, còn lại 94,7% diện tích đất thu hồi giao cho doanh nghiệp Đ để phân lô bán nền và nhà ở thương mại.

- Việc áp giá bồi thường không đúng với quy định của Luật Đất đai năm 2013, các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

- Ủy ban nhân dân huyện Y thuê Công ty TNHH X không có địa chỉ, có dấu hiệu làm khống hồ sơ, kết quả thẩm định không có văn bản chấp nhận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Các quyết định cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện để thực hiện dự án là không đúng quy định, do Dự án mang tính chất thương mại phải được sự đồng thuận của người dân, không thể dùng mệnh lệnh hành chính áp dụng biện pháp cưỡng chế.

Không đồng ý với các quyết định thu hồi đất, đền bù và cưỡng chế, ông Trịnh Văn D đã có đơn khiếu nại lần đầu đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y. Ông D cho rằng các Quyết định số 1770/QĐ-UBND, Quyết định số 1772/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y để thực hiện Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư K thị trấn Q là không đúng quy định. Do Dự án mang tính chất thương mại phải được sự đồng thuận của người dân, không thể dùng mệnh lệnh hành chính áp dụng biện pháp cưỡng chế.

Ngày 26/7/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y đã ban hành Quyết định số 2457/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông D. Nội dung của quyết định giải quyết khiếu nại kết luận Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư K thị trấn Q, huyện Y phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng, đúng với quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh T chấp thuận, trình tự và thủ tục thu hồi, bồi thường được thực hiện đảm bảo đúng quy định. Do hộ ông Trịnh Văn D không chấp hành nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B quyết định cưỡng chế thu hồi đất là đúng quy định. Do đó, quyết định giải quyết khiếu nại đã xác định nội dung khiếu nại của ông Trịnh Văn D cho rằng các quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y không đúng là không có cơ sở.

Ông Trịnh Văn D không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, đã có đơn khiếu nại lần hai đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T.

Ngày 26/9/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành Quyết định số 3452/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông Trịnh Văn D. Nội dung của quyết định giải quyết khiếu nại của chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T kết luận và xác định thống nhất như quyết định giải quyết khiếu nại của chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, đồng thời khẳng định là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng.

Vì vậy, ông Trịnh Văn D khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

- Tuyên hủy Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T về giải quyết khiếu nại của ông D;

- Tuyên hủy Quyết định số 2457/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y về giải quyết khiếu nại của ông D;

- Tuyên hủy các Quyết định số 1770/QĐ-UBND, Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y về cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trịnh Văn D;

- Tuyên hủy các Quyết định số 4003/QĐ-UBND, Quyết định số 4004/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Y thu hồi đất nông nghiệp của hộ ông D;

- Tuyên hủy một phần Quyết định số 4082/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Y về phê duyệt phương án dự toán bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho dự án Khu dân cư K thị trấn Q, đối với hộ ông Trịnh Văn D tại Mục 51;

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Y thực hiện đầy đủ việc bồi thường thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật, bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần, khắc phục hậu quả do bị ảnh hưởng bởi các quyết định của các cơ quan đối với gia đình ông Trịnh Văn D.

Quan điểm của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Y tại Văn bản số 244/UBND-TTr ngày 17/01/2024:

Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư K thị trấn Q (Bao gồm cả khu tái định cư dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường tránh QL 45 vào cụm C thị trấn Q), huyện Y phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng, đúng với quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Dự án được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành chủ trương đầu tư, nghị quyết chấp thuận và quyết định phê duyệt, thu hồi, bồi thường đúng trình tự, thủ tục quy định.

- Ngày 17/12/2020, Hội đồng nhân dân huyện Y ban hành Nghị quyết số 106/NQ-HĐND quyết định chủ trương đầu tư Dự án;

- Ngày 20/5/2021, Ủy ban nhân dân huyện Y ban hành Quyết định số 1233/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Khu dân cư;

- Ngày 17/9/2021, Ủy ban nhân dân huyện Y ban hành Quyết định số 2499/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án đầu tư;

- Ngày 10/12/2021, Hội đồng nhân dân tỉnh T ban hành Nghị quyết số 182/NQ-HĐND về việc chấp thuận Danh mục các công trình dự án;

- Ngày 25/9/2021, Ủy ban nhân dân huyện Y ban hành Thông báo thu hồi đất số 175/TB-UBND để thực hiện Dự án;

- Ngày 03/3/2022, Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện Y tổ chức Hội nghị công khai chủ trương đầu tư và thông báo thu hồi đất thực hiện dự án;

- Ngày 01/11/2022, Ủy ban nhân dân huyện Y ban hành các quyết định về việc thu hồi đất của hộ ông Trịnh Văn D: Quyết định số 4003/QĐ-UBND thu hồi thửa 84 diện tích 1.130,4m², Quyết định số 4004/QĐ-UBND thu hồi thửa 647 diện tích 1.211,7m².

- Ngày 01/11/2022, Ủy ban nhân dân huyện Y ban hành Quyết định số 4082/QĐ-UBND về phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong đó có hộ ông Trịnh Văn D, bà T2 được bồi thường, hỗ trợ 237.789.000 đồng, trong đó: bồi thường đất 93.684.000 đồng, bồi thường hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm 117.105.000 đồng, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất 27.000.000 đồng;

- Ngày 08/11/2022, Hội đồng giải phóng mặt bằng ban hành Thông báo số 131/TB-HĐGPMB về việc công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường thực hiện dự án;

- Ngày 09/11/2022, Hội đồng giải phóng mặt bằng tổ chức niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường bàn giao Ủy ban nhân dân thị trấn Q niêm yết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng;

Hộ ông Trịnh Văn D không nhận quyết định và không ký Biên bản bàn giao.

- Các ngày 10/11/2022, 22/12/2022 và 20/3/2023, Hội đồng bồi thường ban hành thông báo về việc chi trả tiền bồi thường, nhưng hộ ông Trịnh Văn D không đến nhận.

- Các ngày 01/12/2022 và 28/12/2022, Hội đồng bồi thường cùng Ủy ban nhân dân thị trấn và các Đoàn thể đối thoại, vận động nhưng hộ ông D không nhận tiền và bàn giao đất cho Dự án.

- Ngày 26/5/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y ban hành Quyết định số 1770/QĐ-UBND, Quyết định số 1772/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trịnh Văn D.

- Ngày 26/5/2023, Hội đồng giải phóng mặt bằng cùng Ủy ban thị trấn, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc niêm yết công khai các Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trịnh Văn D.

- Ngày 30/5/2023, Ủy ban nhân dân thị trấn, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thị trấn Q, Trưởng khu phố thực hiện bàn giao Quyết định cưỡng chế nhưng ông D không nhận.

Như vậy, về trình tự thủ tục thu hồi đất, đo đạc, kiểm đếm, kiểm kê, trích đo, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Trịnh Văn D được thực hiện đầy đủ, niêm yết công khai. Quá trình triển khai thực hiện đã tuyên truyền vận động, thuyết phục nhưng hộ ông D không chấp hành các quyết định thu hồi đất, quyết định đền bù, do đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đã ra quyết định cưỡng chế thu hồi đất là đúng quy định.

Quan điểm của người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh T tại Văn bản số 421/UBND-TD ngày 09/01/2024:

Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư K, thị trấn Q thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất nhằm phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng; trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường về đất đảm bảo đúng theo Luật Đất đai. Do hộ ông Trịnh Văn D không chấp hành quyết định thu hồi đất, nhận tiền bồi thường về đất dẫn đến UBND huyện Y ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất. Vào các ngày 01/12/2022 và 28/12/2022, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng dự án cùng đại diện Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thị trấn Quán Lào mời hộ ông Trịnh Văn D cùng một số công dân làm việc, đối thoại, trả lời, vận động, tuyên truyền, thuyết phục chấp hành quyết định thu hồi đất, nhận tiền bồi thường và bàn giao đất để thực hiện dự án. Hộ gia đình không nhận tiền bồi thường và bàn giao đất cho dự án, không chấp hành quyết

định thu hồi đất của UBND huyện Y. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện Y cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất của hộ ông Trịnh Văn D là đúng nguyên tắc, đủ điều kiện và trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013. Đối chiếu với các quy định nêu trên, ông Trịnh Văn D khiếu nại về việc cưỡng chế thu hồi đất của gia đình ông để thực hiện Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư K, thị trấn Q, huyện Y là không đúng quy định do dự án mang tính chất thương mại, phải được sự đồng thuận của người dân, không thể dùng mệnh lệnh hành chính mà UBND huyện Y lại áp dụng biện pháp cưỡng chế là không có cơ sở. Như vậy, Chủ tịch UBND tỉnh T đã ban hành Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Trịnh Văn D đảm bảo khách quan, đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thị trấn Q có quan điểm:

Căn cứ Luật Đất đai và các quy định pháp luật thấy việc Ủy ban nhân dân huyện Y ban hành Quyết định số 4003/QĐ-UBND, Quyết định số 4004/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Y thu hồi đất nông nghiệp của hộ ông D; Quyết định số 4082/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Y về phê duyệt phương án dự toán bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho dự án Khu dân cư K thị trấn Q, đối với hộ ông D tại Mục 51; Quyết định số 1770/QĐ-UBND, Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y về cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trịnh Văn D; Quyết định số 2457/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y về giải quyết khiếu nại của ông D; Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T về giải quyết khiếu nại của ông D; về trình tự, thủ tục ban hành các quyết định đúng quy định pháp luật. Nay ông Trịnh Văn D có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 108/2024/HC-ST ngày 05/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 1 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính; điểm d khoản 3 Điều 62, Điều 71, khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013; Điều 16 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 18, Điều 21, Điều 31, Điều 33 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trịnh Văn D về hủy toàn bộ, hủy một phần các quyết định sau đây:

- Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T về giải quyết khiếu nại của ông D;

- Quyết định số 2457/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y về giải quyết khiếu nại của ông D;

- Các Quyết định số 4003/QĐ-UBND, Quyết định số 4004/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Y về việc thu hồi đất nông nghiệp của hộ ông Trịnh Văn D;

- Quyết định số 4082/QĐ-UBND ngày 01/11/2022, Ủy ban nhân dân huyện Y về phê duyệt phương án dự toán bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho dự án Khu dân cư K thị trấn Q, đối với hộ ông Trịnh Văn D, tại Mục 51;

- Các Quyết định số 1770/QĐ-UBND, Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y về cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trịnh Văn D;

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trịnh Văn D về buộc Ủy ban nhân dân huyện Y tiếp tục thực hiện việc bồi thường thu hồi đất, bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần, khắc phục hậu quả do bị ảnh hưởng bởi các quyết định của các cơ quan đối với gia đình ông.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/6/2024, người khởi kiện ông Trịnh Văn D có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Trịnh Văn D cho rằng Ủy ban nhân dân huyện Y ra quyết định thu hồi đất để làm dự án mà không có sự đồng thuận của người dân, không đúng với hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, việc thực hiện chính sách phải được thực hiện trên cơ sở ý chí nguyện vọng và lợi ích của người dân. Dự án phải đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Nhà nước với người dân, trong số 93 hộ bị ảnh hưởng bởi dự án, cơ bản là đều không đồng thuận về mức đền bù, việc thực hiện đền bù hỗ trợ không đầy đủ, kê khai thiếu nhân khẩu của gia đình ông (4 nhân khẩu), tính chất của dự án mang tính thương mại, nhưng người dân không được bàn bạc thỏa thuận, phần đất thu hồi được phân thành 34 lô biệt thự và 339 lô liền kề để bán, không có công trình nào mang tính thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, diện tích đất bị thu hồi có nguy cơ bị bỏ hoang do ít người mua hoặc mua chỉ để đầu tư. Giá đất đền bù không được xây dựng trên cơ sở quy định pháp luật, mà lại được áp đặt theo bảng giá đất của địa phương, trái với nguyên tắc phương pháp định giá đất được quy định tại Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn của Bộ T3. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của ông.

Đại diện của người bị kiện gồm Chủ tịch UBND tỉnh T, Ủy ban nhân dân huyện Y, Chủ tịch UBND huyện Y, tỉnh Thanh Hoá đều vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật

về tố tụng; các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được pháp luật quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Trịnh Văn D, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã thụ lý, giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện vụ án: Việc khởi kiện của ông Trịnh Văn D được thực hiện trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Đơn kháng cáo của ông Trịnh Văn D được gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá đảm bảo đúng thời hạn, hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 204, 205 và Điều 206 Luật Tố tụng hành chính; do đó được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Về sự vắng mặt đại diện của người bị kiện gồm: Chủ tịch UBND tỉnh T, Ủy ban nhân dân huyện Y, Chủ tịch UBND huyện Y, tỉnh Thanh Hoá vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt những người bị kiện.

[5] Xét kháng cáo của ông Trịnh Văn D, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích và đánh giá từng vấn đề cụ thể như sau:

[5.1] Về đối tượng và thẩm quyền giải quyết: Các Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T và Quyết định số 2457/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y về giải quyết khiếu nại của ông D; Quyết định số 1770/QĐ-UBND và Quyết định số 1772/QĐ-UBND cùng ngày 26/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y về cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trịnh Văn D; Quyết định số 4003/QĐ-UBND và Quyết định số 4004/QĐ-UBND cùng ngày 01/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Y thu hồi đất nông nghiệp của hộ ông D; Quyết định số 4082/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Y về phê duyệt phương án dự toán bồi thường, hỗ trợ tái định cư là quyết định hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan hành chính; việc bồi thường thu hồi đất, bồi thường thiệt hại do bị ảnh hưởng bởi các quyết định là hành vi hành chính của cơ quan Nhà nước, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp tỉnh. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý giải quyết đơn khởi kiện vụ án hành chính của ông Trịnh Văn

D là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[5.2] Về quyền sử dụng đất: Hộ ông D, bà T2 là chủ hộ sử dụng đất sản xuất nông nghiệp từ năm 1993, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 386976 ngày 25/6/2015, thuộc tờ bản đồ số 26 gồm hai thửa: thửa 84 diện tích 1.130,4m², thửa 285 diện tích 1.474,5m²; đang trong thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2063, không có tranh chấp hoặc lấn chiếm với đất liền kề.

[6] Xem xét tính hợp pháp của dự án: Theo tài liệu do người khởi kiện là ông D và bên bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện Y cung cấp đã thể hiện Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư K thị trấn Q (Bao gồm cả khu tái định cư dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường tránh QL 45 vào cụm C thị trấn Q) huyện Y được xây dựng, phê duyệt, triển khai thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định, để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Cụ thể: Hội đồng nhân dân huyện ban hành Nghị quyết chủ trương đầu tư số 106/NQ-HĐND ngày 17/12/2020, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết chấp thuận số 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021, Ủy ban nhân dân huyện ban hành các Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng số 1233/QĐ-UBND ngày 20/5/2021, Quyết định phê duyệt Dự án đầu tư số 2499/QĐ-UBND ngày 17/9/2021, Quyết định thu hồi đất số 4003/QĐ-UBND và Quyết định số 4004/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của hộ ông Trịnh Văn D, Quyết định về phê duyệt phương án và dự toán bồi thường hỗ trợ, tái định cư số 4082/QĐ-UBND ngày 01/11/2022, trong đó có hộ ông Trịnh Văn D, bà Lê Thị Tuyết .

[7] Xét yêu cầu của ông Trịnh Văn D về hủy quyết định thu hồi đất: Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư K thị trấn Q, huyện Y nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng, theo Nghị quyết của Hội Danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa... Theo quy hoạch, Dự án phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa mà diện tích đất trồng lúa của hộ ông D nằm trong phạm vi quy hoạch nên phải thu hồi để thực hiện dự án. Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện Y ban hành Quyết định thu hồi đất trồng lúa của hộ ông D là đúng với quy định. Theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong các trường hợp sau đây:

“3. Thực hiện các dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất bao gồm:

d. Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn...”

Vì vậy, yêu cầu của ông D về hủy các Quyết định số 4003/QĐ-UBND, Quyết định thu hồi đất số 4004/QĐ-UBND ngày 01/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Y là không có cơ sở để chấp nhận.

[8] Xem xét yêu cầu của ông D về hủy quyết định phương án bồi thường: Theo Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh T quy định bảng giá các loại đất thời kỳ 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh

Thanh Hóa, giá đất trồng cây nông nghiệp cao nhất có vị trí 1 xã đồng bằng thuộc huyện Y là 40.000 đồng/m². Diện tích đất của hộ ông D bị thu hồi là đất trồng lúa được giao có thời hạn, không thu tiền sử dụng. Việc đo đạc, kiểm đếm, kiểm kê, trích đo đất và tài sản trên đất của hộ ông D bị thu hồi đã được Hội đồng giải phóng mặt bằng thực hiện đúng trình tự thủ tục, đầy đủ và chính xác. Công ty TNHH X có tư cách pháp nhân, có năng lực và hành nghề đúng đăng ký đã thẩm định và phát hành Chứng thư xác định giá đất của ông D bị thu hồi với giá 40.000 đồng/m² là phù hợp với giá đất của khu vực tại thời điểm thẩm định. Ủy ban nhân dân huyện Y quyết định bồi thường đất cho hộ ông D theo mức giá thẩm định là có cơ sở đối với đất có cùng mục đích sử dụng bị thu hồi, quyết định mức hỗ trợ các khoản khác là theo quy định chung, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013. Vì vậy, yêu cầu của ông D về hủy một phần Quyết định số 4082/QĐ-UBND ngày 01/01/2022, của Ủy ban nhân dân huyện Y về phê duyệt phương án dự toán bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho dự án là không có cơ sở để chấp nhận.

[9] Đối với yêu cầu của ông D về hủy quyết định cưỡng chế: Như đã phân tích nêu trên, Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư K thị trấn Q, huyện Y nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng. Đối với dự án này, hộ sử dụng đất bị thu hồi phải chấp hành, không thuộc trường hợp thỏa thuận bồi thường. Đất của hộ ông D nằm trong dự án nên phải thu hồi. Việc xác định giá đất đền bù, mức hỗ trợ cho hộ ông D là phù hợp và đúng quy định. Chính quyền và các ban ngành ở địa phương đã thực hiện đầy đủ các thủ tục thông báo, giao nhận và niêm yết văn bản của cơ quan Nhà nước về thu hồi đất và bồi thường, tổ chức tuyên truyền thuyết phục người dân tự nguyện chấp hành. Hộ sử dụng đất ông D cho rằng Dự án mang tính thương mại phân lô bán nền, áp giá bồi thường không đúng quy định, Công ty thẩm định giá không có địa chỉ, làm không hồ sơ, kết quả thẩm định không được cơ quan cấp tỉnh chấp thuận. Các lý do của hộ ông D đưa ra để không chấp hành các quyết định thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ là không có căn cứ và không chính đáng. Hành vi của hộ ông D không chấp hành quyết định của cơ quan Nhà nước là vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện dự án. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện Y ra Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông D là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013. Vì vậy, yêu cầu của ông D về hủy các Quyết định số 1770/QĐ-UBND, Quyết định số 1772/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện Y là không có cơ sở để chấp nhận.

[10] Xem xét yêu cầu của ông D về hủy các quyết định giải quyết khiếu nại: Khiếu nại của ông Trịnh Văn D gửi đến hai cấp Ủy ban đều có nội dung không đồng ý với các quyết định cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y. Các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T được ban hành đúng thẩm quyền, đúng thời hạn, các quyết định giải quyết khiếu nại đều có kết luận và xác định nội dung khiếu nại của ông Trịnh Văn D cho rằng các quyết định cưỡng

chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y không đúng là không có cơ sở. Lý do ông D khiếu nại các quyết định cưỡng chế thu hồi đất cũng là lý do ông D khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y. Như đã phân tích nêu trên, các lý do của ông D đưa ra để không chấp hành các quyết định thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ là không có căn cứ và không chính đáng. Ủy ban nhân dân huyện Y ra quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông D là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013. Các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông D là có căn cứ, đúng quy định Luật Khiếu nại. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của ông D về hủy các Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T và Quyết định số 2457/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y về giải quyết khiếu nại là đúng quy định.

[11] Xem xét yêu cầu của ông D về buộc Ủy ban nhân dân huyện T đầy đủ việc bồi thường thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật: Như đã phân tích nêu trên, việc đo đạc, kiểm đếm, kiểm kê, trích đo đất và tài sản trên đất của hộ ông D bị thu hồi đã được Hội đồng giải phóng mặt bằng thực hiện đúng trình tự thủ tục, đầy đủ và chính xác. Ủy ban nhân dân huyện Y quyết định bồi thường đất cho hộ ông D theo mức giá thẩm định là có cơ sở đối với đất có cùng mục đích sử dụng bị thu hồi, quyết định mức hỗ trợ các khoản khác là theo quy định chung, phù hợp với quy định. Vì vậy, ông D yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện Y tiếp tục thực hiện đầy đủ việc bồi thường thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật là không có cơ sở để chấp nhận.

[12] Xem xét yêu cầu của ông D về bồi thường thiệt hại vật chất và tinh thần, khắc phục hậu quả do bị ảnh hưởng bởi các quyết định của các cơ quan đối với gia đình ông: Ông D yêu cầu bồi thường thiệt hại vật chất, tinh thần nhưng không nêu các căn cứ cụ thể về lỗi như thế nào, mức độ thiệt hại bao nhiêu nên không có cơ sở để xem xét giải quyết.

[13] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D cũng không đưa ra được căn cứ mới nào chứng minh cho quan điểm của mình nên Hội đồng xét xử đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, không chấp nhận kháng cáo của ông Trịnh Văn D và giữ nguyên toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm.

[14] Về án phí: Ông Trịnh Văn D là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên; Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trịnh Văn D; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 108/2024/HC-ST ngày 05/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

2. Về án phí: Ông Trịnh Văn D được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

* *Nơi nhận:*

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Trọng